

Số: 1191 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 16/TTr-SNV ngày 17/4/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh năm 2022 (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2022, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong các năm tiếp theo.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Bộ Nội vụ;
  - Trung tâm Truyền thông tỉnh;
  - QCT, PCT UBND tỉnh;
  - V0, V1\_3, TH4;
  - Lưu: VT, TH1.
- 6b\_QĐ69

**Q. CHỦ TỊCH**



**Cao Tường Huy**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022**  
 (Kèm theo Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh)

**1. Các sở, ban, ngành**

TT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (57 điểm)	Điểm điều tra xã hội học (43 điểm)	Chỉ số cải cách hành chính năm 2022	Xếp hạng
1	Sở Thông tin và Truyền thông	53,81	40,18	93,99	Xuất sắc
2	Sở Tư pháp	52,32	41,26	93,58	Xuất sắc
3	Sở Tài chính	51,47	40,16	91,63	Xuất sắc
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	49,37	41,13	90,5	Xuất sắc
5	Sở Nội vụ	49,70	40,63	90,33	Xuất sắc
6	Thanh tra tỉnh	50,29	39,22	89,51	Tốt
7	Sở Văn hoá và Thể thao	47,88	41,02	88,9	Tốt
8	Sở Công Thương	49,86	38,59	88,45	Tốt
9	Sở Du lịch	48,99	39,19	88,18	Tốt
10	Ban Dân tộc tỉnh	49,22	37,24	86,46	Tốt
11	Sở Xây dựng	45,85	40,59	86,44	Tốt
12	Ban Quản lý khu kinh tế QN	46,99	38,94	85,93	Tốt
13	Sở Khoa học và Công nghệ	46,24	39,56	85,8	Tốt
14	Sở Y tế	45,59	40,1	85,69	Tốt
15	Sở Ngoại vụ	45,74	39,46	85,2	Tốt
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	46,52	38,19	84,71	Tốt
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	43,96	39,98	83,94	Tốt
18	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43,82	39,99	83,81	Tốt
19	Sở Giao thông vận tải	42,04	39,64	81,68	Tốt
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	34,76	38,31	73,07	Khá

## 2. Các huyện, thị xã, thành phố

TT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (60,5 điểm)	Điểm điều tra xã hội học (39,5 điểm)	Chỉ số cải cách hành chính năm 2022	Xếp hạng
1	Thành phố Uông Bí	56,42	34,52	90,94	<b>Xuất sắc</b>
2	Huyện Hải Hà	53,04	35,14	88,18	<b>Tốt</b>
3	Huyện Ba Chẽ	56,3	30,92	87,22	<b>Tốt</b>
4	Thành phố Hạ Long	50,78	35,29	86,07	<b>Tốt</b>
5	Huyện Vân Đồn	51,41	34,6	86,01	<b>Tốt</b>
6	Thị xã Đông Triều	50,67	35,1	85,77	<b>Tốt</b>
7	Huyện Cô Tô	50,43	35,18	85,61	<b>Tốt</b>
8	Thành phố Móng Cái	49,86	35,44	85,3	<b>Tốt</b>
9	Huyện Đầm Hà	50,10	34,96	85,06	<b>Tốt</b>
10	Thị xã Quảng Yên	49,79	34,98	84,77	<b>Tốt</b>
11	Huyện Tiên Yên	49,65	34,26	83,91	<b>Tốt</b>
12	Thành phố Cẩm Phả	47,43	35,61	83,04	<b>Tốt</b>
13	Huyện Bình Liêu	46,82	34,16	80,98	<b>Tốt</b>

### 3. Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

TT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (60 điểm)	Điểm điều tra xã hội học (40 điểm)	Chỉ số cải cách hành chính năm 2022	Xếp hạng
1	Cục Thuế tỉnh	58,25	36,85	95,1	Xuất sắc
2	Kho bạc Nhà nước tỉnh	56,00	37,76	93,76	Xuất sắc
3	Cục Hải quan tỉnh	56,65	36,94	93,59	Xuất sắc
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	54,75	38,78	93,53	Xuất sắc
5	Công an tỉnh	55,00	38,24	93,24	Xuất sắc
6	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Ninh	56,75	36,28	93,03	Xuất sắc
7	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	46,25	35,07	81,32	Tốt
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	39,75	36,51	76,26	Khá